

Bản án số: **26/2021/KDTM-PT**
Ngày: 08/02/2021
V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán theo hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn

Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lùng- Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 240/2020/TLPT-KDTM ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 645/2020/QĐ-PT ngày 03/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 679/2020/QĐ-PT ngày 16/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 709/2020/QĐ-PT ngày 30/12/2020; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 35/2021/TB-TA ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty N

Địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu đô thị C, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt

-Bị đơn: Công ty T

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn D – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/3/2017, Công ty N và Công ty T đã ký hợp đồng kinh tế số LA00126 về việc: mua bán thức ăn gia súc, gia cầm. Theo đó Công ty N bán cho Công ty T số lượng thức ăn gia súc theo đơn đặt hàng cụ thể của bên mua tại từng thời điểm; giá bán sản phẩm quy định tại các thông báo giá gửi cho khách hàng, theo từng thời điểm cụ thể và được ký bởi người đại diện có thẩm quyền. Ngoài ra hợp đồng còn quy định về thời gian, địa điểm giao nhận hàng và nghĩa vụ thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 20/7/2017 Công ty N đã giao hàng hóa cho Công ty T từng đợt theo hóa đơn giá trị gia tăng tổng trị giá hàng hóa là 5.396.928.750 đồng. Xong, tính đến ngày 31/3/2018 Công ty T mới chỉ thanh toán trả cho Công ty N được 3.436.855.000 đồng, còn lại 1.955.344.250 đồng.

Công ty N và Công ty T đã đối chiếu công nợ và Công ty T có văn bản cam kết trả nợ hàng tháng nhưng chỉ thanh toán được 3 đợt, sau đó không thực hiện trả nợ theo cam kết.

Tính đến ngày 30/7/2018, Công ty T còn nợ Công ty N số tiền là 1.705.344.250 đồng. Công ty N đã nhiều lần trao đổi bằng điện thoại, gặp gỡ trực tiếp yêu cầu Công ty T thanh toán, nhưng đến nay Công ty T vẫn không chịu thanh toán. Vì vậy, Công ty N yêu cầu Công ty T thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tạm tính từ ngày 01/8/2017 đến ngày 30/6/2019 là 503.627.358 đồng. Tổng cộng là 2.208.871.608 đồng.

Tại bản tự khai và đơn phản tố, bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty T thừa nhận còn nợ số tiền trên theo hợp đồng là đúng, xong hiện tại Công ty T đang gặp khó khăn về kinh tế do làm ăn thua lỗ, nên chưa có nguồn để thanh toán trả cho Công ty N. Công ty T đề nghị phía Công ty N từ nay đến hết 31/12/2020 cho Công ty T thanh toán dần trừ vào tiền gốc và không tính lãi, lịch trình cụ thể Công ty T sẽ về tính toán từ ngày 15/5/2020. Nếu sau ngày 15/5/2020 Công ty T không có kế hoạch trả được thì đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và tuyên vô hiệu phần lãi chậm trả theo hợp đồng số LA00126 ngày 07/3/2017 vì vi phạm điều cấm của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 07/2020/KDTM-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội đã xử:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N đối với Công ty T.*
- *Buộc Công ty T phải thanh toán trả Công ty N số tiền 2.148.127.017 đ (hai tỷ một trăm bốn tám triệu một trăm hai bảy nghìn không trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc là 1.705.344.250 đồng và tiền lãi là 442.783.767 đồng.*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận quy định tại Điều 5.3 của hợp đồng đối với số tiền chậm thi hành án.

- *Bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên bố phần lãi chậm trả vô hiệu.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/7/2020 Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- *Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.*

- Về nội dung: Về số tiền nợ gốc theo hợp đồng mua bán hàng hóa các bên đương sự đều thống nhất. Về số tiền nợ lãi, tại phiên tòa nguyên đơn có ý kiến đề tạo điều kiện cho Công ty T trả nợ, nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất 8%/ năm, thấp hơn so với mức lãi suất quy định của Ngân hàng S như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty T được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty N với Công ty T phát sinh từ hợp đồng kinh tế số LA00126 về việc mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, nên là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty T có địa chỉ tại thôn H, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 07/3/2017, Công ty N và Công ty T đã ký hợp đồng kinh tế số LA00126 về việc mua bán thức ăn gia súc, gia cầm.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty N đã giao hàng hóa cho Công ty T với tổng trị giá hàng hóa là 5.396.928.750 đồng.

Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng; bảng kê hóa đơn mua hàng và thanh toán; biên bản đối chiếu thanh toán ngày 31/3/2018 và Biên bản làm việc ngày 09/4/2018 các bên đương sự đều thừa nhận tiền gốc, lãi.

Sau khi ký đối chiếu công nợ thì công ty T trả nợ nhiều lần. Tính đến ngày 30/7/2018, Công ty T đã trả được 3.691.584.500 đồng, còn nợ 1.705.344.250 đồng.

Án sơ thẩm buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty N số tiền mua bán hàng hóa nợ gốc 1.705.344.250 đồng là có căn cứ.

Về thời điểm tính lãi: Theo các tài liệu, chứng từ có trong hồ sơ thể hiện Công ty T trả nợ lần cuối là ngày 30/7/2018, từ tháng 8/2018 Công ty T không thanh toán như đã cam kết. Công ty N nhất trí với bản án sơ thẩm về cách xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng là ngày 31/8/2018.

Về số tiền lãi do chậm thanh toán: Trong hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa số LA00126 ngày 07/3/2017, các bên có thỏa thuận tại Điều 5.3 : “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng đúng hạn cho Công ty N hoặc ngay khi Công ty N có yêu cầu thanh toán. Nếu bên mua không thanh toán đúng hạn do Công ty N quy định, bên mua có nghĩa vụ phải trả lãi suất nợ quá hạn cho Công ty N là 150% lãi suất cho vay của Ngân hàng S công bố từng thời kỳ”.

Án sơ thẩm chỉ áp dụng một mức lãi suất nợ quá hạn $9,5\% \times 150\%$ từ ngày 31/8/2018 đến ngày 26/6/2020 là không chính xác.

Theo nội dung Công văn số 157/2020/CV ngày 09/12/2020 của Ngân hàng S cung cấp có mức lãi suất khác nhau theo từng thời điểm (từ 31/3/2018 đến 14/3/2019: $9,5\%/năm$; từ 15/3/2019 đến 30/3/2020: $9\%/năm$; từ 31/3/2020 đến 26/6/2020: $8,5\%/năm$.)

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty N đồng ý áp dụng mức lãi suất cho vay của Ngân hàng S $8\%/năm \times 150\%$ đối với khoản nợ gốc 1.705.344.250 đồng từ ngày 31/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/6/2020 đối với Công ty T.

Hội đồng xét xử thấy mức lãi suất này là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa và có lợi cho Công ty T, nên chấp nhận và sửa án sơ thẩm.

Vì vậy, Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi cho Công ty N do chậm thanh toán tiền hàng là: 372.839.646 đồng.

Do các bên có thỏa thuận về lãi suất phù hợp với pháp luật, nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty T còn phải trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: yêu cầu Tòa án tuyên bố phần lãi chậm trả là vô hiệu do vi phạm điều cấm. Xét thấy, yêu cầu này là một phần trong nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, nên đây chỉ là ý kiến đề nghị của bị đơn. Tòa sơ thẩm xác định đây là yêu cầu phản tố là không đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần rút kinh nghiệm.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty T xác nhận nợ gốc, xin miễn giảm lãi, thực tế đã trả nợ một phần, xong Công ty T cho rằng hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh. Kháng cáo của Công ty T đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 50; Điều 306; Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T.

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N đối với Công ty T.

2. Buộc Công ty T phải thanh toán trả Công ty N:

- Nợ gốc: 1.705.344.250 đồng

- Nợ lãi: 372.839.646 đồng.

Tổng cộng: 2.078.183.896 đồng

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty T phải chịu 73.563.677 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty T 300.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 07221 ngày 12/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả Công ty N 31.580.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06847 ngày 13/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

5. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011569 ngày 09/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS huyện Thạch Thất, tp Hà Nội;
- TAND huyện Thạch Thất, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn